

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HS-ST

Ngày: 26/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Mỹ
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2024/TLST-HS ngày 13/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HS ngày 13/9/2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng T, sinh năm 2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Hoàng T1**, sinh năm: 1980 và bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1983; vợ: **Đinh Thị Bích N**, sinh năm 2003; con: có 01 người con sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/8/2024 bị **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” vào ngày 06/04/2024 (Quyết định xử phạt vi phạm vi phạm hành chính Số 127/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2024, chuyển tạm giam từ ngày 13/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

2. Trương Minh Q, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số A, tổ G, ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Văn Ú**, sinh năm: 1976 và bà **Võ Thị T2**, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/8/2024 bị **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” vào ngày 06/04/2024 (Quyết định xử phạt vi phạm vi phạm hành chính Số 121/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2024, chuyển tạm giam từ ngày 13/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Đinh Thị Bích N**, sinh năm 2003; nơi cư trú: **ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt
2. **Nguyễn Huỳnh Đông P1**, sinh năm 1993; nơi cư trú: 117, **ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt
3. **Phan Tấn H**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **số I, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt
4. **Đinh Công L**, sinh năm 1999; nơi cư trú: **số A, ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt
5. **Nguyễn Đức H1**, sinh năm 2003; nơi cư trú: **khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt
6. **Lương Minh V**, sinh năm 2004; nơi cư trú: **số A, khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt
7. **Thái Ngọc N1**, sinh năm 2001; nơi cư trú: **ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An**. Vắng mặt
8. **Nguyễn Thị Ái N2**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 06/4/2024, Lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an thành phố B** phối hợp **Công an xã B, thành phố B** tiến hành kiểm tra hành chính nhà không số ở Tổ nhân dân tự quản **số A, ấp B, xã B, thành phố B** phát hiện tại đây có các đối tượng gồm: **Lê Hoàng T; Trương Minh Q; Đinh Thị Bích N; Nguyễn Huỳnh Đông P1; Phan Tấn H; Đinh Công L; Nguyễn Đức H1; Lương Minh V** và **Thái Ngọc N1** đang tổ chức uống rượu bia và có dấu hiệu sử dụng ma túy nên Lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện trên bàn để máy vi tính ở phòng khách: 01 (một) túi nylon bên trong có 04 viên nén màu xám nghi là ma túy và 01 túi nylon bên trong có tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 hộp giấy có chữ “Chanel” bên trong hộp có: 01túi nylon màu trắng bên trong túi nylon có tinh thể màu trắng nghi là ma túy và 01túi nylon màu trắng bên trong có 30 viên nén màu xám nghi là ma túy. **T** khai đây là các gói chứa tinh thể ma túy “khay” và các viên nén là ma túy đá loại “kẹo” của **T** và do **T** đưa 25.000.000 đồng cho **Q** mua về để sử dụng thì bị Lực lượng Công an phát hiện lập biên bản.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín 03 (ba) phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu cam, bên trong có 04 (bốn) viên nén màu xám nghi là ma túy và 01(một) túi nylon màu trắng hàn kín 03 (ba) phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong có tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì có ký hiệu (T1); 01 (một) hộp giấy có kích thước 13,5cmx11cmx08cm có chữ “Chanel” bên trong hộp có: 01(một) túi nylon màu trắng hàn kín 03 (ba) phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, bên trong có tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì có ký hiệu (T2); 01(một)

túi ny lon màu trắng hàn kín 03 (ba) phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, bên trong có 30 (ba mươi) viên nén màu xám nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì có ký hiệu (T3); 07 (bảy) túi nylon kích thước 06cmx04cm màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong rỗng; 12 (mười hai) túi nylon kích thước 03cmx03cm màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong rỗng; 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh, 01 đầu hàn kín, 01 đầu được vuốt nhọn; 01 (một) cân điện tử màu đen trắng, không nhãn hiệu có kích thước: 08cmx04cmx01cm;

Quá trình điều tra Lê Hoàng T và Trương Minh Q khai nhận: T thuê nhà không số ở Tổ nhân dân tự quản số A, ấp B, xã B, thành phố B của chị Nguyễn Thị Ái N2 để ở cùng Q. Sáng ngày 03/4/2024, T đưa cho Q 25.000.000 đồng nhờ mua ma túy loại “khay” và “keo” để sử dụng sau đó T và vợ là Đinh Thị Bích N đến nhà của Thái Ngọc N1 ở xã B, huyện Đ, tỉnh Long An chơi. Do trước đây Q làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên biết Nam thanh niên tên N3 (không biết họ tên thật và địa chỉ) Q liên hệ qua mạng xã hội hỏi mua ma túy là “khay” và “keo” với giá 25.000.000 đồng và được đối tượng N3 hẹn giao tại nhà của Q ở Tổ nhân dân tự quản số A, ấp B, xã B, thành phố B. Đến khoảng 15 giờ ngày 03/4/2024 thì N3 liên hệ với Q và đem ma túy đến giao tại nhà. Q đưa tiền nhưng được N3 cho lại 3.000.000 đồng số tiền này Q đã tiêu xài hết. Quý kiểm tra thấy có 01 túi nylon đựng ma túy dạng viên nén và 01 túi nylon đựng tinh thể màu trắng. Q đem 02 túi ma túy vào phòng ngủ của T để trên bàn. Khoảng 20 giờ cùng ngày khi T về đến thì Q báo cho T 02 túi ma túy để trên bàn trong phòng ngủ. Trọng kiểm tra thấy có 01 túi ma túy loại “khay” 01 một túi ma túy loại “keo” có 34 viên nén màu xám. T lấy ra 04 viên ma túy loại “keo” và một ít ma túy loại “khay” để riêng vào một túi nylon sau đó đem ra bàn máy tính ở phòng khách để khi cần sử dụng. Số ma túy còn lại T để vào hộp giấy có chữ “Chanel” cất giấu. Tối ngày 06/4/2024 T và Q tổ chức nhậu với các bạn tại nhà không số thì bị Lực lượng Công an phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật là nghi ma túy.

Tại Kết luận giám định số 283A/2024/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2 gửi giám định là ma túy; loại Ketamine; khối lượng: 28,1885 gam. H2 lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B: Mẫu vật ký hiệu T2 sau giám định đã niêm phong lại có khối lượng: 26,4636 gam.

Tại Kết luận giám định số 283B/2024/KL-KTHS ngày 28/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy; loại Ketamine; khối lượng: 1,3737 gam; 04 (bốn) viên nén màu xám không rõ hình dạng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy; loại MDMA; khối lượng: 1,5851 gam; 30 (ba mươi) viên nén màu xám không rõ hình dạng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T3 gửi giám định là ma túy; loại MDMA; khối lượng: 11,9753 gam. H2 lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B mẫu vật sau giám định đã niêm phong lại lần lượt có khối lượng: Mẫu vật ký hiệu T1 (tinh thể màu trắng): 1,0211 gam. Mẫu vật ký hiệu T1 (viên nén màu xám): 0,7868 gam. Mẫu vật ký hiệu T3: 9,9982 gam.

Tổng cộng **Lê Hoàng T** và **Trương Minh Q** đã tàng trữ ma túy loại MDMA khối lượng 13,5604 gam; loại Ketamine khối lượng 29,5622 gam.

Quá trình điều tra, **Lê Hoàng T** và **Trương Minh Q** khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội của các bị can, lời khai các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, lời khai người liên quan và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 69/CT-VKSTPBT ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **T** từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt chính: áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Q** từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định; 19 túi nylon các loại bên trong rỗng; một đoạn ống nhựa màu xanh, một đầu hàn kín, một đầu nhọn; một cân điện tử màu đen, trắng (đã qua sử dụng). Buộc bị cáo **Q** nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 06/4/2024, tại nhà không số do **T** thuê của chị Nguyễn Thị Ái N2 ở Tổ nhân dân tự quản **Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Lê Hoàng T** đã có hành vi tàng trữ trái phép 29,5622 gam ma túy, loại Ketamine và 13,5604 gam ma túy loại MDMA nhằm mục đích để sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ ma túy. Số ma túy này **T** có được là do **T** nhờ **Trương Minh Q** mua với giá 25.000.000 đồng, **Q** được người bán ma túy cho lại số tiền 3.000.000 đồng, **Q** đã tiêu xài hết.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng **Trương Minh Q** vẫn cố ý mua giúp cho **Lê Hoàng T** 29,5622 gam ma túy, loại Ketamine và 13,5604 gam ma túy loại MDMA để Trọng tàng trữ nhằm mục đích để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Do đó, cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng ngày 02/8/2024 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo”; bị cáo **T** được hưởng thêm tình tiết “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên”; bị cáo **Q** được hưởng thêm tình tiết “Có người thân có công với cách mạng” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Về vai trò đồng phạm thì vụ án này có vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo Trọng giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo **Q** là người giúp **T** mua ma túy và bị cáo **Q** có thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng nên cần cân nhắc xem xét khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo **T** là người đã bỏ ra số tiền 25.000.000 đồng để mua ma túy, số tiền này là lớn nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; bị cáo **Q** không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **Q**.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định; 19 túi nylon các loại bên trong rỗng; một đoạn ống nhựa màu xanh, một đầu hàn kín, một đầu nhọn; một cân điện tử màu đen, trắng (đã qua sử dụng). Buộc bị cáo **Q** nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xác minh, làm rõ đối tượng tên Năm đã bán ma túy cho các bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật. Đối với **Nguyễn Thị Ái N2** là người cho **T** thuê nhà nhưng không biết **T** và **Q** tàng trữ trái phép chất ma túy nên cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được **Đinh Thị Bích N**; **Nguyễn Huỳnh Đông P1**; **Phan Tấn H**; **Đinh Công L**; **Nguyễn Đức H1**; **Lương Minh V** và **Thái Ngọc N1** có đồng phạm với các bị cáo về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và không chứng các bị cáo có hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên không xử lý hình sự là phù hợp. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo; **Đinh Thị Bích N**; **Nguyễn Huỳnh Đông P1**; **Phan Tấn H**; **Đinh Công L**; **Nguyễn Đức H1**; **Lương Minh V** và **Thái Ngọc N1** đã bị **Công an thành phố B** xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt và xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Hoàng T**, **Trương Minh Q** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1 Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng T** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2024.

1.2 Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trương Minh Q** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2024.

2. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo **Lê Hoàng T** số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì 283/2024 có chữ ký ghi tên **Phạm Hải N4**, **Phan Trung T3**, **Nguyễn Ngọc M** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh B**; 19 túi nylon rỗng; một đoạn ống nhựa màu xanh, một đầu hàn kín, một đầu nhọn; một cân điện tử màu đen, trắng (đã qua sử dụng). (*Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận ngày 26/9/2024*).

Buộc bị cáo **Trương Minh Q** nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.000.000 (ba triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo **Lê Hoàng T**, **Trương Minh Q** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Thành An, H. Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã Phước Hiệp, H. Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo; NCQLNVLQ (10b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình